TÒA ÁN NHÂN DÂN KV2 - LĐ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18-9-2025
V/v: *"tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LĐ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Thanh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Văn Chí

2. Bà Đặng Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tấn – Cán bộ Tòa án nhân dân Khu vực 2 - LĐ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV2 - LĐ tham gia phiên toà: ông Trịnh Lương Hồng Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2- LĐ xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 258/2025/TLST–HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà LTD, sinh năm: 1985; địa chỉ: 83 thôn P, xã ĐT, tỉnh LĐ.

Bị đơn: ông PTH, sinh năm: 1987; địa chỉ: 83 thôn P, xã ĐT, tỉnh LĐ.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DVỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai của nguyên đơn bà LTD trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông PTH chung sống với nhau từ năm 2007 và tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, huyện ĐT, tỉnh LĐ (nay là xã ĐT, tỉnh LĐ) vào ngày 06/9/2010. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có thời gian tìm hiểu, sau khi cưới vợ chồng chung sống tại 83 thôn P, xã ĐT, tỉnh LĐ. Quá trình vợ chồng chung sống, đến đầu năm 2021 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không cùng tiếng nói trong các lĩnh vực của cuộc sống, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống

chung không hòa hợp và bà xác định tình cảm không còn, yêu cầu ly hôn ông PTH.

Về con chung: vợ chồng bà có 02 con chung: PNKT, sinh ngày: 04/01/2008, PTT, sinh ngày: 11/6/2010; hiện con đang ở cùng ông bà. Khi ly hôn, bà Dyêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung PNKT, sinh ngày: 04/01/2008 và PTT, sinh ngày: 11/6/2010; khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung; không yêu cầu ông PTH cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông PTH trình bày như sau:

Vợ chồng tôi kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại số nhà 83 thôn P, xã PH; vợ chồng chung sống Hnh phúc cho tới nay, ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên ôngi đề nghị tòa án tiến hành giải quyết cho vợ chồng ông về sống chung. Nếu ly hôn, ông yêu cầu được nuôi 02 con chung là PNKT, sinh năm 2008 và PTT, sinh năm 2010; ông không yêu cầu cấp dưỡng nuoi con chung, ông và bà LTD không có nợ chung, không có tài sản chung.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông PTH vắng mặt nên không hòa giải được.

Tại phiên toà, nguyên đơn bà LTD giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông PTH; về con chung: yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung cho đến ngày thành niên và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - LĐ phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự như xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác định mối quan hệ tranh chấp, thời Hn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và các đương sự đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà LTD, cho bà LTD và ông PTH được ly hôn.

Về con chung: giao cho bà LTD trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là PNKT, sinh ngày 04/01/2008 và PTT, sinh ngày: 11/6/2010.

Về tài sản chung, nợ chung: ông bà không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là vụ án "*ly hôn"* giữa nguyên đơn bà LTD và bị đơn ông PTH theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Khu vực 2 - LĐ.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Về quan hệ hôn nhân: bà LTD và ông PTH kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2010 theo quy định pháp luật. Quá trình ông bà chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo bà D trình bày là đến đầu năm 2021 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không cùng tiếng nói trong các lĩnh vực của cuộc sống, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống chung không hòa hợp. Trước đây, bà đã nộp đơn ly hôn 02 lần, nhưng khi đến Toà án làm việc hoà giải thì ông H hứa thay đổi để vợ chồng quay về cùng nhau, nhưng khi quay về chung sống ông H vẫn không sửa đổi để gia đình hạnh phúc, tình cảm vẫn không hàn gắn được. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông PTH; còn ông H khai không muốn ly hôn và muốn hoà giải quay về với nhau nhưng bà D kiên quyết ly hôn, xác định mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà LTD và ông PTH đã trầm trọng, kéo dài không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà D về việc xin ly hôn với ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: bà LTD và ông PTH có 02 con chung: PNKT, sinh ngày: 04/01/2008, PTT, sinh ngày: 11/6/2010; hiện con chung đang ở cùng ông bà. Khi ly hôn, bà D yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung PNKT, sinh ngày 04/01/2008, PTT, sinh ngày 11/6/2010 cho đến ngày thành niên. Bà D trình bày hiện nay bà có công việc ổn định, có nguồn thu nhập ổn định, có thể chăm lo được cho các con, bà yêu cầu được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung cho đến ngày con thành niên. Ông H cũng đồng ý giao 02

con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay các con chung đang có cuộc sống ổn định, con chung PNKT và PTT đều có nguyện vọng ở với bà . Do đó, để đảm bảo cho các con chung có cuộc sống ổn định cũng như điều kiện để các con chung phát triển về mọi mặt nên giao PNKT, sinh ngày 04/01/2008 và PTT, sinh ngày 11/6/2010 cho bà LTD trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại các Điều 68, 69, 71, 72 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà D không yêu cầu ông PTH cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà LTD và ông PTH không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Đối với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[6] Về án phí: bà LTD phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, các Điều 71, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 220, 264, 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà LTD; bà LTD được ly hôn với ông PTH.

2. Về con chung: giao cho bà LTD trực tiếp nuôi dưỡng các con chung: PNKT, sinh ngày 04/01/2008 và PTT, sinh ngày 11/6/2010 cho đến ngày các con chung thành niên.

Ông PTH không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình.

3.Về án phí: buộc bà LTD phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000893 ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐT, tỉnh LĐ (nay là Phòng thi hành án Dân sự KV2 - LĐ). Bà LTD đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4.Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/9/2025) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh LĐ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh LĐ;
- VKSND KV2 - LĐ;
- Thi hành án dân sự tỉnh LĐ;
- UBND xã ĐT, tỉnh LĐ (số 114/2010, ngày đăng ký 06/9/2010);
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Vũ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**